

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2019.

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi** và bà **Nguyễn Thị Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luân - Thư ký TAND huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 359/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2018 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị S, sinh năm 1997. HKTT: Số nhà 56B, tổ 5, khu T, thị trấn X, huyện C, Hà Nội. Hiện cư trú: Thôn T, xã TXT, huyện C, Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1992. HKTT và cư trú: Số nhà 56B, tổ 5, khu T, thị trấn X, huyện C, Hà Nội.

Có mặt: Chị S, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2018, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Vũ Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2017 tại UBND thị trấn X, huyện C, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại thị trấn X, huyện C, Hà Nội.

Quá trình chung sống, anh T không quan tâm đến vợ, không có quan điểm chính kiến, phụ thuộc vào bố mẹ. Khi chị mang thai được 07 tháng vợ chồng bắt đầu quan điểm khi chị xin bố mẹ chồng và chồng ra ở riêng; anh T còn cãi nhau với mẹ chị về vấn đề ra ở riêng. Khi chị sinh con, anh T xuống thăm con rất ít, không hỏi han đến con. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 16/7/2018 (âm lịch) đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 13/9/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con đến năm 18 tuổi và đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 4.000.000 đồng/tháng.

Hiện nay chị đang kinh doanh cửa hàng quần áo tại chợ X và sống tại nhà riêng trên đất bố mẹ để chị cho tại xã TXT, huyện C, nên có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Bùi Văn T trình bày trong bản tự khai và Biên bản hòa giải:** Anh và chị Vũ Thị S tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2017 tại UBND thị trấn X, huyện C, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không hề có mâu thuẫn gì, nhưng do chị S không đồng ý cho anh đi làm việc ở nước ngoài dẫn đến chị S tự ý về nhà bố mẹ đẻ ngày 25/8/2018, lúc đó chị S đang mang thai con của anh chị. Anh có đến gặp chị S cùng với bố mẹ vợ để nói chuyện và vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị S kiên quyết không về, bố mẹ chị S cũng không khuyên giải chị S. Anh không cãi nhau tay đôi với mẹ vợ anh mà anh chỉ nói với mẹ vợ anh là nhà anh không ai đuổi đánh, lấy chồng thì phải theo chồng để chị S về với anh.

Khi chị S sinh con thì anh vẫn ra Bệnh viện để chăm vợ, con và bố mẹ anh có ra bệnh viện thăm cháu cùng con dâu. Bố mẹ anh muốn đón chị S và cháu về gia đình anh để chăm sóc nhưng chị S không về. Sau khi chị S ra viện thì anh có xuống thăm con, ban đầu chị S còn cho anh thăm con, nhưng sau đó không cho anh bế con và đuổi anh về. Anh xuống thăm con có mua đồ cho con và có dặn cả cô giúp việc nhà chị S cách sử dụng đồ như thế nào; chị S không cho anh bế con nên anh đã bảo chị S là vô học. Anh xác định vợ chồng không ở được với nhau, nhưng anh không đồng ý ly hôn, mặc dù bản tự khai ban đầu anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị S có một con chung là Bùi Minh K, sinh ngày

13/9/2018. Hiện nay cháu còn bé nên anh muốn để mẹ cháu tạm thời chăm sóc, khi nào anh thấy điều kiện chăm sóc của chị S không đảm bảo, anh dành lại quyền nuôi con. Chị S phải đảm bảo quyền thăm nom con cho anh.

Hiện nay anh đang đi làm thuê tại Công ty CP T – Địa chỉ tại NO 06, liên khu 25, khu V, phường P, quận H, Hà Nội. Do anh lao động thời vụ, mới đi làm và chưa nhận được lương nên anh không rõ lương của anh thực được lĩnh là bao nhiêu. Đề nghị Tòa án căn cứ và quy định của pháp luật để giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn – anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị S. Về con chung: Đồng ý để chị S tiếp tục nuôi con, nhưng chị S phải đảm bảo quyền thăm nom con cho anh. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị S được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cháu Bùi Minh K, sinh ngày 13/9/2018 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng; Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị S có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn với anh Bùi Văn T nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn – anh Bùi Văn T có nơi cư trú tại thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị S kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2017 tại UBND thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị S và anh T thì thấy: Qua lời khai của anh T và chị S, Tòa án nhận thấy vợ chồng anh T – chị S có mâu thuẫn về tính cách, quan điểm sống. Chị S xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau; ban đầu anh T đồng ý ly hôn nhưng sau đó xác định không thể tiếp tục chung sống với chị S; tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng chị S, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị S được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị S và anh T có một con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 13/9/2018.

Xét nguyện vọng của chị S, anh T và điều kiện của cháu K thì thấy: Anh T nhất trí để cháu K cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng và cháu K dưới 36 tháng tuổi nên để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con, giao cháu K cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Chị S yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng thì thấy: Bản thân cháu K còn nhỏ, anh T thu nhập không ổn định nên chỉ chấp nhận buộc anh T cấp dưỡng nuôi con với chị S là 2.000.000 đồng/tháng và bắt đầu kể từ tháng 02/2019.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Anh T phải chịu án phí dân sự về phần cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Vũ Thị S được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị S và anh Bùi Văn T có 01 (một) con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 13/9/2018.

Giao cháu Bùi Minh K, sinh ngày 13/9/2018 cho chị Vũ Thị S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Anh Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung : Anh Bùi Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Vũ Thị S là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4. Về án phí:

Chị Vũ Thị S phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2015/0003697 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 07/12/2018.

Anh Bùi Văn T phải chịu án phí dân sự về phần cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm../.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn X (Số 36/2017, ngày 06/3/2017);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

